| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH VĨNH LONG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 151/2017/DSPT
Ngày: 22-9-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tư
*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Tửu
Bà Trần Thị Ngọc Dung

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLPT-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2017/QĐ-PT, ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh A (K), sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp Y, xã X, huyện W, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Tổ X1, ấp Y1, xã X1, huyện W1, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn A (K) trình bày:* Vào ngày 19/06/2013 (al) anh có tham gia một dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm 24 phần, dây hụi do bà B làm chủ, anh có tham gia hai phần, hụi khui ngày 19 (al) hàng tháng.

Phần thứ nhất: Anh đóng cho bà B được 20 lần sống, anh kêu hụi 600.000 đồng, anh hốt được số tiền 20.100.000 đồng (hai mươi triệu, một trăm nghìn đồng), nhưng bà B không giao tiền hụi cho anh. Vậy bà B có thiếu lại anh số tiền 20.100.000 đồng. Phần thứ hai: Anh đóng cho bà B được 20 lần sống thì bà B ngưng không góp hụi nữa, nhưng bà B không có trả tiền hụi cho anh.

Như vậy bà B còn thiếu anh số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tổng cộng hai phần hụi bà B còn thiếu anh số tiền là 40.100.000 đồng (bốn mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

Vào ngày 15/11/2013 (al) anh có tham gia một dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm có 28 phần, do bà B làm chủ hụi, anh tham gia hai phần, hụi khui ngày 15 (al) hàng tháng.

Phần thứ nhất: Anh đóng cho bà B được 15 lần sống thì bà B ngưng không có góp hụi nữa, nhưng cho tới nay bà B không có trả tiền hụi cho anh. Vậy bà B còn thiếu lại anh 15 lần hụi sống với số tiền là 15.000.000 đồng.

Phần thứ hai: Anh đóng hụi cho bà B được 15 lần hụi sống thì bà B ngưng không góp hụi nữa, nhưng cho tới nay bà B không có trả tiền hụi cho anh. Vậy bà B còn thiếu lại anh 15 lần hụi sống với số tiền là 15.000.000 đồng. Tổng cộng hai phần hụi bà B còn thiếu anh số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Khoảng năm 2014 anh có cho bà B vay số tiền là 30.000.000 đồng, việc vay chị nói miệng không làm giấy tờ, không thời hạn vay, đến nay bà B chưa trả cho anh số tiền 30.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả cho anh số tiền hụi và tiền vay là 100.100.000 đồng (một trăm triệu, một trăm nghìn đồng).

- *Tại biên bản hòa giải ngày 21/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà B trình bày*:

Bà thừa nhận bà có tham gia làm chủ hụi, trong khi đó A có tham gia hai dây, mỗi dây hai phần như sau:

- Dây hụi ngày 19/06/2013 (al) dây hụi hồm 24 phần, hụi 1.000.000/tháng, mỗi tháng khui một lần.

Phần thứ nhất: A có đóng hụi sống cho bà được 18 lần, đến lần thư 19 thì A kêu hốt hụi, lần thứ 19 này do bà bị bể hụi không góp hụi nữa. Vậy bà thiếu A số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Phần thứ hai: A có đóng hụi sống cho bà được 18 lần, đến lần thứ 19 thì bà bị bể hụi không góp hụi nữa, vậy bà thiếu A số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Tổng cộng hai phần hụi bà thiếu A số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng)

- Dây hụi ngày 15/11/2013 (al) gồm 28 phần, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần.

Phần thứ nhất: A đóng hụi sống cho bà được 15 lần thì bà ngưng không góp hụi nữa. Vậy bà còn thiếu A số tiền là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Phần thứ hai: A đóng hụi sống được 15 lần thì bà ngưng không góp hụi nữa, vậy bà còn thiếu A số tiền là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Như vậy hai phần hụi bà thiếu A số tiền là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng). Tổng cộng hai dây hụi bà còn thiếu A số tiền là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng). Bà không đồng ý trả cho A số tiền trên, bà yêu cầu trả dần vì không có khả năng để trả.

Vào năm 2014 bà có vay của A số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), việc vay giữa bà và A chỉ nói miệng không làm giấy tờ và thời hạn vay cũng không có. Đến năm 2015 bà không nhớ ngày tháng nào bà có trả cho A số tiền là 30.300.000 đồng (ba mươi triệu, ba trăm nghìn đồng) rồi, Việc bà trả tiền

cho A chỉ nói miệng không làm giấy tờ. Trong 30.000.000 đồng này bà không có trả A một lần, mà trả cho A làm nhiều lần mới đủ số tiền trên cho A. Việc bà trả tiền cho A không ai biết hết.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 Áp dụng Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Nghị quyết số 01/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A (K)

Buộc bà B có trách nhiệm trả cho anh A số tiền hụi là 70.100.000 đồng (bảy mươi triệu, một trăm nghìn đồng) và 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền vay. Tổng cộng bằng 100.100.000 đồng (một trăm triệu, một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/5/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập và đánh giá chứng cứ không đầy đủ, áp dụng pháp luật không đúng. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số tiền nợ hụi anh A đã đóng cho bà B là 46.200.000đồng và tiền vay 30.000.000đồng. Tổng cộng là 76.200.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long thay đổi một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, do nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi ít hơn yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án sơ thẩm bị kháng nghị và đề nghị sửa án sơ thẩm buộc B phải trả số tiền nợ hụi là 46.200.000đồng và tiền vay 30.000.000đồng. Tổng cộng là 76.200.000đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương*

*sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn B không kháng cáo. Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với phần tiền hụi: Nguyên đơn A khai rằng có tham gia 02 dây hụi do bà B làm chủ hụi gồm:

Dây hụi 1 vào ngày 19/06/2013 (al) có tham gia một dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 24 phần, anh A tham gia 02 phần, hụi khui ngày 19 (al) hàng tháng. Phần thứ nhất đóng được 20 lần sống, đến lần 21 anh A kêu hụi 600.000 đồng và được hốt hụi. Phần thứ hai: anh A đóng cho bà B được 20 lần sống. Dây hụi 2 vào ngày 15/11/2013 (al) anh A có tham gia một dây hụi 1.000.000đồng, gồm có 28 phần, anh tham gia 02 phần, hụi khui ngày 15 (al) hàng tháng. Hai phần hụi ngày 15/11/2013 (al) anh A đóng được 15 lần sống thì bà B ngưng không có góp hụi nữa. Hai dây hụi ngày 19/6/2013 (al) và dây hụi ngày 15/11/2013 (al) bà B chưa giao tiền cho anh A. Nay anh A yêu cầu bà B trả số tiền nợ hụi của 02 dây hụi là 70.100.000đồng.

Bị đơn bà B thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc anh A có tham gia chơi hụi ngày 19/6/2013 (al) và ngày 15/11/2013 (al). Nhưng đối với dây hụi ngày 19/6/2013 (al) anh A đóng hụi sống được 18 lần, đến lần 19 anh A kêu 600.000đồng và được hốt hụi. Nay do bể hụi nên không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Do anh A không nhớ mỗi lần kêu hốt hụi của mỗi lần khui hụi là bao nhiêu nên không xác định được số tiền anh đã đóng hụi sống. Anh A thống nhất với lời trình bày của bà B về số lần hụi sống anh A đã đóng của hai dây hụi. Anh A yêu cầu tính trung bình mỗi lần kêu hốt hụi là 300.000đồng, anh A đóng hụi sống mỗi tháng là 700.000đồng. Như vậy, số tiền hụi anh A đã đóng được xác định như sau: Dây hụi ngày 19/6/2013 (al), 18 lần sống x 700.000đồng = 12.600.000đồng x 02 phần = 25.200.000đồng. Dây hụi ngày 15/11/2013 (al), 15 lần sống x 700.000đồng = 10.500.000đồng x 02 phần = 21.000.000đồng. Tổng cộng tiền hụi của 02 dây hụi anh A đã đóng là 46.200.000đồng. Do nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng có lợi cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà B phải trả số tiền nợ hụi là 46.200.000đồng cho anh A.

[3] Đối với phần tiền vay: Anh A trình bày vào năm 2014 có cho bà B vay số tiền 30.000.000 đồng. Bà B thừa nhận có vay nhưng cho rằng đã trả xong, không làm biên nhận. Nay không đồng ý trả 30.000.000đồng theo yêu cầu của anh A. Xét thấy bà B có vay của anh A số tiền 30.000.000đồng là có thật được các bên thừa nhận. Bà B cho rằng đã trả xong số tiền 30.000.000đồng cho anh A, anh A không thừa nhận việc bà B đã trả xong tiền, bà B không có chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền vay cho anh A do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà B, buộc bà B trả cho anh A số tiền 30.000.000đồng là có căn cứ.

Do đó, buộc bà B phải trả cho anh A số tiền nợ hụi 46.200.000đồn và tiền vay 30.000.000đồng. Tổng cộng là 76.200.000đồng.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa án nên án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A. Buộc bị đơn B có trách nhiệm trả cho anh A số tiền nợ hụi là 46.200.000đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng) và tiền nợ vay là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Tổng cộng là 76.200.000đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bà B phải nộp 3.810.000đồng (Ba triệu tám trăm mười ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho anh A số tiền 2.502.500đồng (Hai triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0011189 ngày 24/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TNV: 01;
- TAND h TB; 01;
- Chi cục THADS h.TB ; 01;
- Đ/s: 13;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**Nguyễn Thị Tư**